

技能実習制度 移行対象職種・作業一覧（91職種168作業） TÍNH ĐẾN 7/3/2025
Danh sách các nghề và công việc chuyển đổi trong hệ thống thực tập kỹ năng (91 nghề, 168 công việc)

1. 星期一：外派培训（3 课时）7 节课 Ngày nhất tuần học, Ngày nghỉ (3 ngày, 7 tiếng học)	
课程表 NGÀNH NGHỀ	公共课 CỘNG VIỆC
外语类 Ngày nhất tuần học tốt	英语入门 Tổng ra, củ, qua trong củ như hình
	英语入门 Tổng cây trồng ngoài trời, rau quả
	英语入门 Tổng cây ăn quả
农业类 Ngày nhất tuần học chủ nhật	英语入门 Chủ nhật học
	英语入门 Chủ nhật học
英语入门 Luyện tập	英语入门 Chăm sóc cây gia súc và gia cầm
	英语入门 Công việc trồng và ăn sản phẩm rau quả

[illegible][illegible][illegible]

0 韓国・家庭用器 (0.韓国工作用)		作業名
Nhật ngữ		CÔNG VIỆC
縫製機 NGANSI NHH		縫製工作 Xê chít dáp
結構運転● Nghê xe chit		結構工作 Xe chit tành
		巻上工作 Gướng chit
		含むへん上工作 Xôn vàn chóp dáp
		糊着工作 Thảo tác gáit dòn chún bệ
織布運転● Nghê dệt		製織工作 Thảo tác dệt
		仕上工作 Hoàn thiện
染色 Nhuộm		水洗染 Nhuộm len
		織物・ニット染染 Nhuộm và, hàng dệt kim
ニット製品製造 Dệt kim		靴下製造 Dệt lười
		丸縫ニット製品 Dệt kim tròn
たて織ニット生産製造● Dệt kim dáp dệt		たて織ニット生産製造 Dệt kim dáp dệt
婦人用製品製造 Sân xuit quàn áo phũ nữ xit dáp em		婦人用製品製造 Sân xuit quàn áo phũ nữ xit dáp em
紳士用製品製造 Sân xuit quàn áo phũ nam giới		紳士用製品製造 Sân xuit quàn áo phũ nam giới
下着製造 Sân xuit dết lót		下着製造 Sân xuit dết lót
寝具製作 Sân xuit bệ dết giường		寝具製作 Sân xuit bệ dết giường
絨じ工作●製造 Sân xuit thảm dết		絨じ工作●製造 Sân xuit thảm dết
カーペット●製造● Sân xuit thảm		タフザットカーペット●製造 Sân xuit thảm chôn sớt nỏng
		ニードルパッチカーペット●製造 Sân xuit thảm kim dết dít
靴用製品製造 Làm hàng giày bốt		靴用製品製造 Làm hàng giày bốt
靴じり縫製 May dết giày		靴じり縫製 May dết giày
底縫工作●縫製 May dết giày dết gót		台縫工作●縫製 May dết giày dết gót

[illegible]

(注1) ●の機種：技能実習評価試験に係る機種

【Chibi 2】 ①cancleが、おきくひん。● Những ngày này liên quan đến kỳ thi đánh giá kỹ năng thực tập (技能実習評価試験)。Đây là các ngày của các ngày thực tập tham gia kỳ thi đánh giá kỹ năng trong quá trình học và làm việc tại Nhật Bản.

(注2) △のない機種：作業は3号まで実行可能。

【Chibi 2】 ②cancleが、công việc không có ký hiệu A; có thể thực hiện chương trình thực tập kỹ năng đầu loại 3 (3号)

(令和7年3月7日時点)
Tính đến ngày 7 tháng 3 năm 2025

Nguồn thông tin : <https://www.mhlw.go.jp/content/11800000/000932483.pdf>
 Biên tập : Triệu Cường - trieucong@gmail.com
 Ngày lập : 02/04/2025

マシネの部 (工機用) 分類	
NHỮNG SẢN PHẨM KHÁC (CÔNG DỤNG KHÁC, 39 CÔNG VIỆC)	
機軸 NGANGI NGHIE	公機軸 CÔNG VIEC
主要動作 Lâm độ trung tâm (công ty)	主要加工 Lâm độ trung tâm (công ty)
印刷 In	オフセット印刷 In offset
製本 Đồng sách	製本 Đồng sách
	印刷機 Đồng sách (máy)
プラスチック成形 Đúc nhựa	射出成形 Đồng sách (phun)
	インフレーション成形 Đồng sách (phun)
	ブロー成形 Đồng sách (thổi)
強化プラスチック成形 Đúc chất dẻo cường hóa	手板模型成形 Đồng sách (mẫu)
	鑄造 Đồng sách (đúc)
塗装 Sơn	粉末塗装 Sơn bột
	液体塗装 Sơn lỏng
部 品 Nghĩa hàn	部品 Hàn
工業包装 Đồng gói công nghiệp	工業包装 Đồng gói công nghiệp
	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
印刷・段ボール製造 Lâm thùng các tông	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
陶器・工製品製造 Sản xuất sản phẩm gốm sứ công nghiệp	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
自動車関連 Sản xuất ô tô	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
ビュッセル製造 Vệ sinh nhà	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
分 割 Hàn	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
クリーニング Giặt ủi, làm sạch	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
コンクリート製品製造 Sản xuất sản phẩm bê tông	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
印刷 In	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
San xuất RPP - Refuse Paper & Plastic 製品再生	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
Bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
ゴム製品製造 Sản xuất sản phẩm cao su	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
鉄道車両整備 Bảo dưỡng và bảo trì tàu hỏa	印刷包装 Đồng gói công nghiệp
木材加工 Cắt gỗ	印刷包装 Đồng gói công nghiệp

① 住所検索の過程・作業（2題組4作業） Case 研究と公民権の過程 知識伝へる（② 研究 ④ 公民権）	
職種名 空港グランドハンドリング	作業名 航空貨物取扱 航空貨物取扱 (XJ) 貨物係 係長候補
XJ 貨物係 係長候補	航空貨物取扱 (XJ) 貨物係 係長候補
ボイラーメンテナンス ●▲ 船内 船内	ボイラーメンテナンス 船内 船内